

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 22/11/ 2023

V/v : Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Bà Nguyễn Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Hà - Thư ký Tòa án thành phố Thanh Hóa.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ Hôn nhân gia đình thụ lý số 413/2023/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXX-ST ngày 08 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Minh T - Sinh năm 1993 “có mặt”

Trú tại: Số nhà C N, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Tất L - Sinh năm 1988 “vắng mặt”

ĐKKH: Số nhà C N, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện đang chấp hành án tại phân trại số 2, trại giam T4, Cục C10 Bộ C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Minh T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Tất L tổ chức cưới vào năm 2018, trên cơ sở tự nguyện nhưng đến năm 2019 mới đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L ham chơi cờ bạc, nợ nần, không quan tâm chăm sóc con cái và gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau,

tình cảm rạn nứt. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Năm 2022 do anh L phạm tội và đang chấp hành án tại trại giam T4, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con: Anh chị có 01 con chung: cháu Lê Minh T1, sinh ngày 23/9/2019. Ly hôn, chị xin được nuôi cháu T1 và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Lê Tất L trình bày:

Về hôn nhân: Thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn anh đồng ý như chị T trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do quan điểm cách sống khác nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, chửi bới nhau nhưng anh chị vẫn bỏ qua cho nhau để chung sống cùng nhau nuôi dạy con cái. Năm 2022 do anh vi phạm pháp luật và đang phải đi chấp hành án nên chị T có đơn xin ly hôn. Quan điểm của anh không đồng ý ly hôn trong thời gian này mà để sau khi anh đi chấp hành án về thì mới giải quyết ly hôn. Trường hợp chị T cương quyết ly hôn thì anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con: Anh đồng ý có 01 con chung như chị T trình bày. Ly hôn, anh xin được nuôi con nhưng đề nghị giao cháu cho bố mẹ anh nuôi hộ trong thời gian anh chấp hành án.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh L. Tuy nhiên do anh L đang bị giam nên không thể đến Tòa để tham gia nên đã có đơn xin hòa giải và xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay chị T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và không có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành của nguyên đơn kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Đối với bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên giải quyết vắng mặt là đúng quy định

Về nội dung: Đại diện VKS đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân gia đình Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Đây là vụ án ly hôn, bị đơn cư trú tại thành phố T. Do đó, Tòa án thành phố T thụ lý và giải quyết là đúng quy định. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh L để tham gia phiên tòa nhưng anh L đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh L là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Minh T và anh Lê Tất L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, anh chị đều thừa nhận vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn. Kết quả thu thập chứng cứ tại địa phương thể hiện: anh chị chung sống có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L chơi bời dẫn đến vợ chồng chửi bới nhau. Tháng 11/2022 do anh L vi phạm pháp luật nên đang phải đi chấp hành án.

Tại phiên tòa, chị T cương quyết xin được ly hôn. Anh L không đồng ý ly hôn và nêu lý do chờ sau khi anh đi chấp hành án về thì mới giải quyết ly hôn là không có cơ sở để xem xét. Xét thấy, mâu thuẫn của anh chị đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân gia đình xử cho chị Phạm Thị Minh T được ly hôn anh Lê Tất L là phù hợp.

Về con: Anh chị có 01 con chung là cháu Lê Minh T1, sinh ngày 23/9/2019. Ly hôn, chị T và anh L đều xin được nuôi cháu. Xét thấy, anh L hiện đang phải chấp hành án nên không có đủ điều kiện để nuôi con, chị T có công việc và thu nhập ổn định. Do đó, giao cháu T1 cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp.

Về phân cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án chị T không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Về tài sản, công nợ: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/QH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: Chị T, anh L được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, thời hạn kháng cáo được quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình . Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5

Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Minh T được ly hôn anh Lê Tất L.

Về con: Công nhận cháu Lê Minh T1, sinh ngày 23/9/2019 là con chung của chị T và anh L. Giao cháu T1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh L có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không được ai cản trở.

Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Chị Phạm Thị Minh T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị đã nộp theo biên lai số AA/2022/0002720 ngày 15/8/2023 tại chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thanh Hóa (chị T đã nộp đủ án phí).

Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THATPTH;
- U;
- Lưu hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị T2

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Loan Nguyễn Thị Thanh T3

Trần Thị T2

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THATPTH;
- UBND P. Đông Hương;
- Lưu hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thủy